VERBS OF LINKING

1. Verbs of liking + V-ing/ to V

Khi muốn dùng một động từ chỉ một hành động khác ở sau động từ chỉ sự thích thú, ta phải sử dụng danh động từ (V-ing) hoặc động từ nguyên thể có "to" (to V).

a. Verb + V-ing/to V

Những động từ đi với cả danh động từ và động từ nguyên thể có "to mà không thay đổi về nghĩa.

Verbs	Verbs + V-ing	Verbs + to V
like	I like skateboarding in my free time. (Tớ thích trượt ván trong thời gian rảnh)	I like to skateboard in my free time. Tớ thích trượt ván trong thời gian rảnh.
love	She loves training her dog. (Cô ấy yêu thích huấn luyện chú cún cưng)	She loves to train her dog. (Cô ấy yêu thích huấn luyện chú cún cưng)
hate	He hates eating out. (Anh ta ghét việc ăn ngoài hàng quán.)	He hates to eat out. (Anh ta ghét việc ăn ngoài hàng quán.)
prefer	My mother prefers going jogging. (Mẹ tôi thích đi bộ hơn.)	My mother prefers to go jogging. (Mẹ tôi thích đi bộ hơn.)

b. Verbs + V-ing

Những động từ chỉ đi với danh động từ. (Tức là động từ thêm –ing: V-ing)

LIVEWORKSHEETS

Verbs	Verbs + V-ing
adore	They adore eating ice cream. (Họ cực thích ăn kem.)
enjoy	We enjoy playing basketball. (Chúng tôi thích chơi bóng rổ.)
fancy	Do you fancy making crafts? (Cậu thích làm đồ thủ công không?)
don't mind	I don't mind cooking. (Tôi không phiền việc nấu nướng)
dislike	Does he dislike swimming? (Có phải anh ấy không thích bơi lội không?)
detest	I detest doing housework. (Tôi căm ghét việc nhà)

2. Những động từ theo sau là V-ing hoặc to V nhưng có nghĩa khác nhau

LIVEWORKSHEETS

Trong tiếng Anh, có một số động từ theo sau bởi V-ing hay to V lại mang nghĩa khác nhau. Dưới đây là một số động từ đó:

Verbs	Verb + V-ing	Verb + to V
forget	- forget V-ing: quên việc đã làm trong quá khứ Ví dụ: I'll never forget hearing this piece of music for the first time. (Tôi sẽ không bao giờ quên lần đầu tiên nghe bản nhạc này)	- forget + to V: quên việc cần làm Ví dụ: Don't forget to do your homework. (Đừng quên làm bài tập về nhà nhé)
go on	go on + V-ing: tiếp tục công việc cũ. Ví dụ: He said nothing but just went on working. (Ông ta chẳng nói gì mà chỉ làm tiếp công việc)	go on to V: chuyển sang làm một việc khác sau khi hoàn thành một việc Ví dụ: The book goes on to describe his experiences in the army. (Quyển sách tiếp tục bằng việc miêu tả những trải nhiệm của ông ấy trong quân đội.)
mean	mean +V-ing: có nghĩa là... Ví dụ: This new order will mean working overtime.	mean + to V: muốn, có ý định Ví dụ: She means to quit her job.

LIVEWORKSHEETS

	Yêu cầu mới này đồng nghĩa với việc phải tăng ca làm việc.)	(Cô ấy có ý định nghỉ việc.)
remember	remember + V-ing: nhớ lại việc đã làm Ví dụ: Do you remember switching the lights off before we came out? (Bạn có nhớ tắt đèn trước khi chúng ta ra ngoài không?)	remember to V: nhớ việc cần làm Ví dụ: Remember to call me when you arrive! (Nhớ gọi điện cho mình khi bạn đến.)
regret	regret + V-ing: tiếc việc đã làm Ví dụ: He regretted telling his secret to her. (Anh ta hối hận vì đã kể bí mật cho cô ấy.)	regret + to V: tiếc về việc sắp làm Ví dụ: We regret to inform you that your application has not been successful. (Chúng tôi rất tiếc phải thông báo rằng đơn xin việc của bạn không được chấp nhận.)
stop	stop + V-ing: dừng việc gì lại Ví dụ: That phone never stops ringing! (Chiếc điện thoại đó không ngừng reo)	stop + to V: dừng lại để làm việc khác Ví dụ: We stopped to admire the scenery. (Chúng tôi dừng lại để thưởng thức cảnh đẹp.)

LIVEWORKSHEETS

try	try + V-ing: thử làm gì Ví dụ: John isn't here. Try phoning his home number. (John không có ở đây. Thử gọi điện đến nhà bạn ấy xem sao.)	try + to V: cố gắng làm gì Ví dụ: What are you trying to do? (Bạn đang cố làm gì vậy?)
need	need + V-ing: nghĩa bị động Ví dụ: This shirt needs washing. (Chiếc áo này cần được giặt rồi.)	need + to V: cần làm gì (nghĩa chủ động) Ví dụ: I need to get some sleep. (Tôi cần đi ngủ.)

VERBS OF LIKING

Question 1. My mother loves _____ food for my family.

A. preparing **B.** to prepare **C.** prepare **D.** A&B are correct

Question 2. My grandmother _____ to plant flowers in the garden behind her house.

A. prefers **B.** enjoys **C.** detests **D.** adores

Question 3. Coco fancies _____ TV. He watches TV whenever he can.

A. to watch **B.** watched **C.** watch **D.** watching

Question 4. My sister hates _____ with the dolls. It's weird.

LIVEWORKSHEETS

A. playing **B.** to play **C.** to playing **D.** A&B are correct

Question 5. I enjoy _____ with my dog. He's so cute.

A. play **B.** to play **C.** playing **D.** played

Question 6. Tom prefers _____ computer games when he's at home.

A. playing **B.** to play **C.** played **D.** A&B are correct

Question 7. Mary _____ reading Conan comics. She spends her free time reading some volumes.

A. hates **B.** detests **C.** dislikes **D.** enjoys

Question 8. Henry doesn't mind _____ up early in the morning.

A. waking **B.** to wake **C.** wake **D.** will wake

Question 9. My grandparents love _____ very much. There are a lot of beautiful flowers

A. doing garden **B.** doing gardening

C. do gardening **D.** to do garden

Question 10. Nga likes.....with her close friend on Saturday evenings.

A. window shop **B.** window to shop

C. window shops **D.** window shopping

Question 11. Do you fancy _____ around the West Lake with me this Sunday morning?

A. going **B.** having **C.** staying **D.** moving

Question 12. I don't like _____ up early in the winter days. I love _____ in bed late.

A. getting/ stay **B.** get/ stay **C.** getting/ staying **D.** get/ staying

Question 13. My father is fond of _____ a lot of trees and vegetables.

A. growing **B.** grow **C.** grew **D.** grows

Question 14. Teenagers often prefer travelling with their friends _____ travelling with their parents.

A. from **B.** than **C.** as **D.** to

LIVEWORKSHEETS

Question 15. His parents can't stand him _____ to rock music at night.

A. listening **B.** listen **C.** to listen **D.** to listening

LIVEWORKSHEETS